

KẾ HOẠCH

Tặng quà người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

UBND Thành phố ban hành Kế hoạch tặng quà người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, đảm bảo mục tiêu quan tâm tốt hơn đến đời sống, vật chất tinh thần người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu; cán bộ trực Tết Nguyên đán và đối tượng tại các trung tâm nuôi dưỡng, chữa trị tập trung trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế, đảm bảo chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Chủ động, tổ chức kịp thời thực hiện việc tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán tới các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố.

2. Yêu cầu

- Thực hiện tốt việc thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ chế độ chính sách, kịp thời theo quy định tài chính hiện hành.

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội với nhiều hình thức đa dạng, phong phú mang lại hiệu quả thiết thực nhằm chăm lo tốt hơn đối với đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo mọi người dân đều có Tết.

- Các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng chính sách, đúng đối tượng, công khai, dân chủ.

- Chủ động phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm, trục lợi chính sách, chi trả tặng quà không đầy đủ theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng và mức tặng quà

a) Mức quà tặng cá nhân:

- Mức quà (bằng tiền mặt) 1.000.000 đồng/người: Bà mẹ Việt nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên; Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Tiền khởi nghĩa); Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tô quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận); Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi); Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công nêu trên thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà); Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 300.000 đồng/người: Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 300.000 đồng/hộ: Hộ nghèo

- Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi (bằng tiền mặt):

+ 1.200.000 đồng/người: Người cao tuổi trên 100 tuổi;

+ 1.500.000 đồng/người (đã bao gồm 5 mét vải lụa): Người cao tuổi tròn 100 tuổi (sinh năm 1920);

+ 1.000.000 đồng/người: Người cao tuổi tròn 90, 95 tuổi (sinh năm 1930,1925);

+ 700.000 đồng/người: Người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85 (sinh năm 1950,1945,1940,1935).

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn lao động thành phố Hà Nội).

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng).

b) Mức quà tặng các đơn vị, cá nhân tiêu biểu; bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp trong các ngày Tết và bổ sung thêm tiền ăn trong những ngày Tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế quản lý:

- Tặng quà 87 đơn vị, mỗi suất quà trị giá từ 4.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, trong đó:

+ Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng quà (5 đơn vị): Câu lạc bộ Thăng Long, Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội, Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải, Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội, Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật Hà Nội.

+ Ủy quyền Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các quận, huyện, thị xã thăm tặng quà (82 đơn vị): Trường giáo dưỡng Bộ Công an - Ninh Bình; UBND huyện Thanh Thủy - tỉnh Phú Thọ; các trung tâm nuôi dưỡng người có công các tỉnh liên kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng (7 đơn vị); Làng Hữu nghị Việt Nam; Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố; Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố; Ban quản lý các nghĩa trang của Thành phố (Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhôn, Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi, Ban quản lý nghĩa trang Mai Dịch); Hội Người khuyết tật Thành phố; Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Thành phố; Hội cứu trợ trẻ em khuyết tật Thành phố; Hội người mù Thành phố; Hội doanh nghiệp của thương binh và người khuyết tật Thành phố; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng đối tượng chính sách xã hội tập trung; các trung tâm phục hồi chức năng; các cơ sở bảo trợ xã hội; các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu của thương bệnh binh và các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật trên địa bàn Thành phố.

- Tặng 150 suất quà cá nhân tiêu biểu, mỗi suất 2.500.000 đồng (tiền mặt 2.000.000 đồng, túi quà 500.000 đồng), trong đó:

+ Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng quà (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 03 trường hợp) theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội bao gồm: các đồng chí Lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhân sỹ, trí thức, gia đình chính

sách, công nhân lao động, công dân ưu tú, gương người tốt việc tốt, hộ nghèo trên địa bàn Thành phố.

+ Ủy quyền lãnh đạo UBND các quận, huyện, thị xã thăm tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình).

- Ngoài ra, nhân dịp Tết Nguyên đán, Thành phố hỗ trợ bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp trong các ngày Tết với mức 200.000 đồng/người và bổ sung thêm tiền ăn trong những ngày Tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung với mức 100.000 đồng/người tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế quản lý.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

c) Ngoài quà tặng của Thành phố, các địa phương tùy vào điều kiện và khả năng thực tế có thể có các cơ chế chính sách hỗ trợ các gia đình chính sách xã hội khó khăn trên địa bàn quản lý, bảo đảm các đối tượng đều có Tết.

2. Kinh phí và nguồn kinh phí

Tổng số đối tượng tặng quà (dự kiến): 859.271 người, với tổng kinh phí là 378.333.700.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi tám tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn*).

a) Nguồn kinh phí:

Trích từ nguồn kinh phí ngân sách Thành phố, ngân sách bổ sung có mục tiêu giao quận, huyện thị xã và ngân sách quận, huyện, thị xã giao tại Quyết định về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 của UBND thành phố Hà Nội.

b) Trường hợp phát sinh tăng đối tượng chính sách xã hội, ngân sách quận, huyện, thị xã bố trí kinh phí thực hiện theo quy định. Trường hợp kinh phí còn dư, các đơn vị có trách nhiệm nộp trả lại nguồn ngân sách Thành phố.

c) Các đơn vị có trách nhiệm rút dự toán và sử dụng kinh phí theo đúng quy định, chi trả đúng đối tượng, đúng chế độ và quyết toán với Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

d) Ngoài kinh phí từ nguồn ngân sách nêu trên, giao UBND các quận, huyện, thị xã, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ vào các nguồn quyên tặng, nguồn được phép huy động khác phù hợp với khả năng của cơ quan, đơn vị để quyết định các mức trợ cấp, mức tặng quà và tổ chức trợ cấp khó khăn đối với các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 (mức tặng quà không lớn hơn các mức tặng quà Thành phố).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã hướng dẫn, triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch của UBND Thành phố.

- Phối hợp với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng UBND Thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thăm hỏi, tặng quà tới các tổ chức và cá nhân tiêu biểu theo nhiệm vụ được phân công.

- Tham mưu, đề xuất lãnh đạo Thành phố thăm và tặng quà Câu lạc bộ Thăng Long, Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội, Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải, Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội, Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật Hà Nội.

- Kiểm tra, giám sát việc thăm hỏi, tặng quà, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm trong việc thực hiện chính sách tặng quà.

- Tổng hợp kết quả tặng quà, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính

Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai việc tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 theo quy định.

3. Sở Y tế

Chủ trì tổ chức việc thăm hỏi và hỗ trợ bổ sung tiền ăn cho đối tượng đang được nuôi dưỡng, chữa trị tại Bệnh viện 09 nhân dịp Tết Nguyên đán.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và các hoạt động thăm tặng quà người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020.

5. Liên đoàn Lao động Thành phố

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch chăm lo đời sống đoàn viên, người lao động; Tổ chức tặng quà Tết cho các đối tượng là người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Thành phố nhân dịp Tết Nguyên đán.

- Triển khai tốt công tác đưa đoàn viên và người lao động về quê đón tết; phối hợp xử lý những phát sinh của người lao động về quyền lợi trong dịp Tết.

6. Bảo hiểm xã hội Thành phố

Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã phối hợp với cơ quan Bưu điện tổ chức chi trả tiền quà Tết của UBND Thành phố kịp thời đến tay người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng bằng hai hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

7. UBND các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tặng quà Tết trên địa bàn hiệu quả, thiết thực, đảm bảo tất cả người dân trên địa bàn đều được đón tết vui vẻ, đầm ấm.

- Phổ biến tuyên truyền chính sách tặng quà của Thành phố tới xã, phường, thị trấn và nhân dân địa phương; Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn đối tượng, tiêu chuẩn và mức quà tặng.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND xã, phường, thị trấn rà soát danh sách đối tượng; đảm bảo kinh phí và tổ chức thực hiện tặng quà theo quy định xong trước ngày 15/01/2020 (ngày 21/12 âm lịch năm Kỷ Hợi).

- Tổ chức trao Thiếp mừng thọ của Chủ tịch nước đến người cao tuổi tròn 100 tuổi (theo ủy quyền tại Quyết định số 5797/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND Thành phố); trao thiếp mừng thọ của Chủ tịch UBND Thành phố cho người cao tuổi tròn 90 tuổi (theo ủy quyền tại Quyết định số 7137/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Thành phố) đồng thời chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội Người cao tuổi tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi đảm bảo trang trọng, chu đáo, tiết kiệm.

- Lựa chọn không quá 03 trường hợp cá nhân tiêu biểu trên địa bàn để lãnh đạo Thành phố đi thăm và chúc Tết (thực hiện theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội); Chuẩn bị quà tặng, tháp tùng đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm và chúc tết các cá nhân tiêu biểu trên địa bàn.

- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà đến 02 gia đình chính sách người có công tiêu biểu (*gia đình người có công tiêu biểu được lựa chọn tặng quà không trùng với đối tượng tiêu biểu đã được Thành phố thăm, tặng quà hai năm gần đây*) và một số đơn vị sản xuất, kinh doanh của thương bệnh binh; đơn vị sản xuất, kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật (đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định công nhận); một số tổ chức tiêu biểu theo ủy quyền của UBND Thành phố.

- Cấp kinh phí cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện tặng quà đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trên địa bàn Thành phố.

- Huy động các nguồn lực, sự trợ giúp của các tổ chức, đơn vị, cá nhân và cộng đồng thăm hỏi, tặng quà, động viên các đối tượng chính sách, xã hội khó khăn, hộ mới thoát nghèo.

- Hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, giám sát các xã, phường, thị trấn tổ chức thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng quy định.

- Báo cáo kết quả việc thăm hỏi, tặng quà trên địa bàn; gửi về Sở Lao động Thương binh và xã hội để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố

Chỉ đạo thực hiện giám sát, tiếp nhận các ý kiến phản ánh của quần chúng nhân dân, phát hiện những trường hợp lợi dụng chính sách để các cơ quan chức năng có trách nhiệm giải quyết, bảo đảm các chế độ quà tặng được đến tay đối tượng đầy đủ, kịp thời.

9. Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố

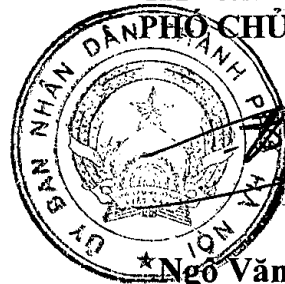
Chủ động cung cấp danh sách nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đến các quận, huyện, thị xã để thực hiện tặng quà theo quy định.

UBND Thành phố đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Thành phố và yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện thăm tặng quà tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội trước ngày 16/01/2020 để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Thành ủy;
 - Bộ LĐTB&XH;
 - Thường trực Thành ủy;
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Thường trực HĐND Thành phố;
 - Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Ủy ban MTTQ và các đoàn thể Thành phố;
 - Các Sở, ban, ngành liên quan;
 - UBND các quận, huyện, thị xã;
 - VPUB: CVP, PCVP Đ.H.Giang,
Phòng KGVX, TKBT/TH;
 - Lưu: VT, KGVXt.
- 38654 (20)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



Ngô Văn Quý

Kinh phí tặng quà đối tượng chính sách nhân dịp Tết Canh Hợi năm 2020
(Kèm theo Kế hoạch số 244 /KH-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đông Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm		Bắc Từ Liêm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	859.271	378.333.700	82.458	31.278.800	53.567	20.243.400	63.445	24.190.400	37.030	14.640.600	24.888	10.035.300
	- Ngân sách Thành phố	751.382	301.079.200	75.041	26.023.100	49.127	17.089.400	58.150	20.424.400	33.290	11.938.600	22.129	8.078.600
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	107.889	77.254.500	7.417	5.255.700	4.440	3.154.000	5.295	3.766.000	3.740	2.702.000	2.759	1.956.700
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	135.739	108.036.000	5.761	4.804.000	3.914	3.260.500	4.941	4.122.000	3.165	2.594.500	2.566	2.047.000
1	Mức 1.000.000 đồng	80.333	80.333.000	3.847	3.847.000	2.607	2.607.000	3.303	3.303.000	2.024	2.024.000	1.528	1.528.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	332	332.000	33	33.000	22	22.000	12	12.000	10	10.000	9	9.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	40.652	40.652.000	2.011	2.011.000	1.363	1.363.000	1.650	1.650.000	1.012	1.012.000	826	826.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	317	317.000	80	80.000	55	55.000	42	42.000	35	35.000	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	466	466.000	30	30.000	3	3.000	2	2.000	33	33.000	18	18.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	853	853.000	210	210.000	150	150.000	100	100.000	125	125.000	10	10.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	252	252.000	3	3.000	12	12.000	9	9.000	8	8.000	5	5.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	10.593	10.593.000	310	310.000	190	190.000	418	418.000	179	179.000	165	165.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	1.994	1.994.000	90	90.000	62	62.000	120	120.000	89	89.000	30	30.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	24.796	24.796.000	1.080	1.080.000	750	750.000	950	950.000	533	533.000	465	465.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	78	78.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đông Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm		Bắc Từ Liêm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	55.406	27.703.000	1.914	957.000	1.307	653.500	1.638	819.000	1.141	570.500	1.038	519.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	6.081	3.040.500	111	55.500	89	44.500	168	84.000	49	24.500	105	52.500
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	47.805	23.902.500	1.700	850.000	1.140	570.000	1.400	700.000	1.037	518.500	893	446.500
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	1.182	591.000	70	35.000	57	28.500	46	23.000	42	21.000	30	15.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	213	106.500	30	15.000	17	8.500	22	11.000	7	3.500	5	2.500
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	119	59.500	3	1.500	4	2.000	2	1.000	6	3.000	5	2.500
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	6	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	573.657	172.097.100	68.355	20.506.500	44.888	13.466.400	52.710	15.813.000	29.732	8.919.600	18.823	5.646.900
	Cán bộ nghỉ hưu	520.298	156.089.400	63.655	19.096.500	41.808	12.542.400	48.425	14.527.500	27.082	8.124.600	17.164	5.149.200
	Cán bộ nghỉ mất sức	53.359	16.007.700	4.700	1.410.000	3.080	924.000	4.285	1.285.500	2.650	795.000	1.659	497.700
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	19.704	5.911.200	347	104.100			58	17.400			524	157.200
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	118.963	88.741.100	7.977	5.830.700	4.744	3.467.000	5.720	4.214.500	4.115	3.089.500	2.962	2.167.700
1	Ngân sách Thành phố	11.074	11.486.600	560	575.000	304	313.000	425	448.500	375	387.500	203	211.000
	Người tròn 100 tuổi	854	1.281.000	30	45.000	18	27.000	47	70.500	25	37.500	16	24.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Người tròn 90 tuổi	10.168	10.168.000	530	530.000	286	286.000	378	378.000	350	350.000	187	187.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	4	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	48	33.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	107.889	77.254.500	7.417	5.255.700	4.440	3.154.000	5.295	3.766.000	3.740	2.702.000	2.759	1.956.700
	Người trên 100 tuổi	1.263	1.515.600	40	48.000	20	24.000	35	42.000	60	72.000	16	19.200
	Người tròn 95 tuổi	3.669	3.669.000	146	146.000	120	120.000	140	140.000	180	180.000	58	58.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	102.957	72.069.900	7.231	5.061.700	4.300	3.010.000	5.120	3.584.000	3.500	2.450.000	2.685	1.879.500

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đông Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm		Bắc Từ Liêm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	87	524.500	3	16.000	6	32.000	1	6.000	4	20.000	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dỡng ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liên kề	9	69.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	5	57.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	33	192.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	40	206.000	3	16.000	6	32.000	1	6.000	4	20.000	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	60	150.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	90	225.000	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	3.000	1.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	300	150.000	10	5.000	10	5.000	10	5.000	9	4.500	8	4.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	2.317	463.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đần đượ chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	5.354	535.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh		Sóc Sơn		Tây Hồ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	16.718	6.805.100	23.463	9.654.600	25.781	11.894.800	34.522	15.976.900	22.987	12.142.000	23.139	8.929.300
	- Ngân sách Thành phố	14.948	5.541.100	21.073	7.948.600	22.201	9.302.800	29.822	12.616.900	18.457	8.888.500	21.102	7.477.900
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	1.770	1.264.000	2.390	1.706.000	3.580	2.592.000	4.700	3.360.000	4.530	3.253.500	2.037	1.451.400
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	1.796	1.469.500	2.892	2.260.500	4.940	3.881.000	6.779	5.321.000	5.881	4.721.500	2.003	1.582.500
1	Mức 1.000.000 đồng	1.143	1.143.000	1.629	1.629.000	2.822	2.822.000	3.863	3.863.000	3.562	3.562.000	1.162	1.162.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	2	2.000	2	2.000	6	6.000	18	18.000	5	5.000	11	11.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	670	670.000	880	880.000	1.370	1.370.000	1.790	1.790.000	1.690	1.690.000	690	690.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	2	2.000	3	3.000	4	4.000	2	2.000	3	3.000	6	6.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	6	6.000	10	10.000	13	13.000	36	36.000	14	14.000	13	13.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	6	6.000	2	2.000	6	6.000	3	3.000	8	8.000	22	22.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	6	6.000	5	5.000	7	7.000	14	14.000	9	9.000	-	-
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	110	110.000	160	160.000	238	238.000	320	320.000	475	475.000	60	60.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	13	13.000	37	37.000	113	113.000	160	160.000	130	130.000	30	30.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	328	328.000	530	530.000	1.065	1.065.000	1.520	1.520.000	1.228	1.228.000	330	330.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liên kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh		Sóc Sơn		Tây Hồ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	653	326.500	1.263	631.500	2.118	1.059.000	2.916	1.458.000	2.319	1.159.500	841	420.500
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	50	25.000	80	40.000	129	64.500	192	96.000	390	195.000	31	15.500
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	580	290.000	1.150	575.000	1.960	980.000	2.684	1.342.000	1.855	927.500	770	385.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	15	7.500	30	15.000	26	13.000	25	12.500	64	32.000	31	15.500
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	4	2.000	2	1.000	2	1.000	10	5.000	5	2.500	7	3.500
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	4	2.000	1	500	1	500	5	2.500	5	2.500	2	1.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	12.722	3.816.600	17.216	5.164.800	16.595	4.978.500	21.485	6.445.500	10.682	3.204.600	18.893	5.667.900
	Cán bộ nghỉ hưu	11.666	3.499.800	15.384	4.615.200	14.249	4.274.700	18.617	5.585.100	9.643	2.892.900	17.212	5.163.600
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.056	316.800	1.832	549.600	2.346	703.800	2.868	860.400	1.039	311.700	1.681	504.300
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	260	78.000	671	201.300	351	105.300	1.043	312.900	1.368	410.400	-	-
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	1.927	1.424.500	2.665	1.988.500	3.880	2.907.000	5.197	3.873.000	5.038	3.783.000	2.228	1.652.400
1	Ngân sách Thành phố	157	160.500	275	282.500	300	315.000	497	513.000	508	529.500	191	201.000
	Người tròn 100 tuổi	7	10.500	15	22.500	30	45.000	32	48.000	43	64.500	20	30.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)												
	Người tròn 90 tuổi	150	150.000	260	260.000	270	270.000	465	465.000	465	465.000	171	171.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	1.770	1.264.000	2.390	1.706.000	3.580	2.592.000	4.700	3.360.000	4.530	3.253.500	2.037	1.451.400
	Người trên 100 tuổi	20	24.000	30	36.000	40	48.000	50	60.000	75	90.000	12	14.400
	Người tròn 95 tuổi	50	50.000	60	60.000	220	220.000	150	150.000	150	150.000	65	65.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	1.700	1.190.000	2.300	1.610.000	3.320	2.324.000	4.500	3.150.000	4.305	3.013.500	1.960	1.372.000

STT	Loại đối tượng	Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh		Sóc Sơn		Tây Hồ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	4	22.000	1	6.000	1	6.000	1	4.000	2	10.000
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dục ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	-	-	4	22.000	1	6.000	1	6.000	1	4.000	2	10.000
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	8	4.000	10	5.000	9	4.500	12	6.000	12	6.000	8	4.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Handwritten signature

STT	Loại đối tượng	Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai		Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	45.407	17.005.500	36.715	14.172.500	47.291	18.898.500	40.375	15.828.400	19.846	8.846.700	23.570	12.585.600
	- Ngân sách Thành phố	41.684	14.374.100	33.282	11.740.500	42.066	15.168.500	36.715	13.227.400	17.137	6.922.600	19.698	9.778.200
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	3.723	2.631.400	3.433	2.432.000	5.225	3.730.000	3.660	2.601.000	2.709	1.924.100	3.872	2.807.400
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	2.970	2.643.000	2.743	2.365.500	4.369	3.572.000	3.727	3.089.000	3.158	2.554.500	7.376	5.784.500
1	Mức 1.000.000 đồng	2.316	2.316.000	1.988	1.988.000	2.775	2.775.000	2.451	2.451.000	1.951	1.951.000	4.193	4.193.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	36	36.000	24	24.000	16	16.000	10	10.000	10	10.000	21	21.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.320	1.320.000	1.200	1.200.000	1.533	1.533.000	1.240	1.240.000	995	995.000	2.130	2.130.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	30	30.000	16	16.000	14	14.000	7	7.000		-		-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	11	11.000	15	15.000	6	6.000	5	5.000	6	6.000	3	3.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	60	60.000	62	62.000	31	31.000	23	23.000	6	6.000	2	2.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	2	2.000	1	1.000	3	3.000	3	3.000	1	1.000	15	15.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	270	270.000	160	160.000	230	230.000	273	273.000	380	380.000	362	362.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	52	52.000	40	40.000	92	92.000	60	60.000	28	28.000	240	240.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	535	535.000	470	470.000	850	850.000	830	830.000	525	525.000	1.420	1.420.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai		Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	654	327.000	755	377.500	1.594	797.000	1.276	638.000	1.207	603.500	3.183	1.591.500
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	77	38.500	40	20.000	120	60.000	91	45.500	149	74.500	270	135.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	485	242.500	650	325.000	1.416	708.000	1.115	557.500	1.020	510.000	2.825	1.412.500
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	76	38.000	50	25.000	42	21.000	54	27.000	34	17.000	70	35.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	11	5.500	10	5.000	9	4.500	9	4.500	2	1.000	8	4.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	5	2.500	5	2.500	7	3.500	7	3.500	2	1.000	10	5.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	38.562	11.568.600	30.260	9.078.000	37.171	11.151.300	32.475	9.742.500	13.164	3.949.200	10.067	3.020.100
	Cán bộ nghỉ hưu	36.584	10.975.200	28.927	8.678.100	34.139	10.241.700	29.727	8.918.100	11.478	3.443.400	7.972	2.391.600
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.978	593.400	1.333	399.900	3.032	909.600	2.748	824.400	1.686	505.800	2.095	628.500
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	-	-	-	-	164	49.200	203	60.900	583	174.900	1.872	561.600
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.861	2.773.400	3.695	2.700.000	5.570	4.087.500	3.952	2.902.500	2.927	2.151.100	4.237	3.194.900
1	Ngân sách Thành phố	138	142.000	262	268.000	345	357.500	292	301.500	218	227.000	365	387.500
	Người tròn 100 tuổi	8	12.000	12	18.000	25	37.500	19	28.500	18	27.000	45	67.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTĐBXH)												
	Người tròn 90 tuổi	130	130.000	250	250.000	320	320.000	273	273.000	200	200.000	320	320.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTĐBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTĐBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.723	2.631.400	3.433	2.432.000	5.225	3.730.000	3.660	2.601.000	2.709	1.924.100	3.872	2.807.400
	Người trên 100 tuổi	17	20.400	20	24.000	25	30.000	30	36.000	25	30.000	92	110.400
	Người tròn 95 tuổi	56	56.000	63	63.000	200	200.000	80	80.000	51	51.000	170	170.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	3.650	2.555.000	3.350	2.345.000	5.000	3.500.000	3.550	2.485.000	2.633	1.843.100	3.610	2.527.000

STT	Loại đối tượng	Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai		Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	1	4.000	3	12.000	4	22.000	3	16.000	-	-	1	6.000
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	1	4.000	3	12.000	4	22.000	3	16.000	-	-	1	6.000
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	8	4.000	9	4.500	8	4.000	10	5.000	9	4.500	12	6.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đơn được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Ứng Hòa		Quốc Oai		Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	18.024	9.972.100	13.392	7.972.600	14.286	8.082.300	14.174	8.107.400	18.305	9.698.900	12.202	6.848.800
	- Ngân sách Thành phố	14.230	7.237.100	10.738	6.047.800	11.090	5.781.100	10.995	5.809.100	15.031	7.352.100	9.474	4.896.200
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	3.794	2.735.000	2.654	1.924.800	3.196	2.301.200	3.179	2.298.300	3.274	2.346.800	2.728	1.952.600
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	5.666	4.240.500	5.077	4.016.000	4.595	3.524.500	4.527	3.494.500	5.266	4.083.500	3.960	3.014.000
1	Mức 1.000.000 đồng	2.815	2.815.000	2.955	2.955.000	2.454	2.454.000	2.462	2.462.000	2.901	2.901.000	2.068	2.068.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	7	7.000	11	11.000	-	-	4	4.000	7	7.000	6	6.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.500	1.500.000	1.243	1.243.000	1.222	1.222.000	1.380	1.380.000	1.460	1.460.000	1.050	1.050.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	3	3.000	2	2.000	1	1.000	-	-	2	2.000	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	17	17.000	18	18.000	3	3.000	5	5.000	-	-	9	9.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	-	-	1	1.000	1	1.000	-	-	-	-	-	-
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	-	-	7	7.000	-	-	3	3.000	63	63.000	5	5.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	393	393.000	799	799.000	466	466.000	250	250.000	530	530.000	220	220.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	45	45.000	32	32.000	57	57.000	35	35.000	39	39.000	62	62.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	850	850.000	842	842.000	704	704.000	785	785.000	800	800.000	716	716.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Ứng Hòa		Quốc Oai		Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	2.851	1.425.500	2.122	1.061.000	2.141	1.070.500	2.065	1.032.500	2.365	1.182.500	1.892	946.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	326	163.000	319	159.500	262	131.000	230	115.000	220	110.000	175	87.500
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	2.475	1.237.500	1.760	880.000	1.861	930.500	1.800	900.000	2.087	1.043.500	1.670	835.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	42	21.000	24	12.000	14	7.000	35	17.500	42	21.000	40	20.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	4	2.000	7	3.500	2	1.000	-	-	13	6.500	5	2.500
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	4	2.000	12	6.000	2	1.000	-	-	3	1.500	2	1.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	6.754	2.026.200	4.953	1.485.900	4.852	1.455.600	4.647	1.394.100	7.924	2.377.200	4.648	1.394.400
	Cán bộ nghỉ hưu	5.514	1.654.200	4.170	1.251.000	4.139	1.241.700	3.789	1.136.700	6.874	2.062.200	3.850	1.155.000
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.240	372.000	783	234.900	713	213.900	858	257.400	1.050	315.000	798	239.400
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	1.233	369.900	253	75.900	1.235	370.500	1.320	396.000	1.378	413.400	561	168.300
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	4.356	3.318.000	3.094	2.377.300	3.590	2.711.200	3.663	2.804.300	3.722	2.807.300	3.018	2.254.600
1	Ngân sách Thành phố	562	583.000	440	452.500	394	410.000	484	506.000	448	460.500	290	302.000
	Người tròn 100 tuổi	42	63.000	25	37.500	32	48.000	44	66.000	25	37.500	24	36.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)												
	Người tròn 90 tuổi	520	520.000	415	415.000	362	362.000	440	440.000	423	423.000	266	266.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.794	2.735.000	2.654	1.924.800	3.196	2.301.200	3.179	2.298.300	3.274	2.346.800	2.728	1.952.600
	Người trên 100 tuổi	45	54.000	44	52.800	56	67.200	80	96.000	44	52.800	35	42.000
	Người tròn 95 tuổi	189	189.000	150	150.000	120	120.000	110	110.000	110	110.000	85	85.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	3.560	2.492.000	2.460	1.722.000	3.020	2.114.000	2.989	2.092.300	3.120	2.184.000	2.608	1.825.600

STT	Loại đối tượng	Ứng Hòa		Quốc Oai		Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	-	-	1	4.000	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	-	-	-	-	1	4.000	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	10	5.000	10	5.000	8	4.000	12	6.000	10	5.000	10	5.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đân được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Hoài Đức		Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	14.075	7.633.800	37.617	15.580.400	22.222	11.863.200	18.513	10.394.400	15.622	8.910.100
	- Ngân sách Thành phố	11.457	5.760.200	34.107	13.085.400	17.732	8.587.700	14.609	7.603.000	12.422	6.615.100
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	2.618	1.873.600	3.510	2.495.000	4.490	3.275.500	3.904	2.791.400	3.200	2.295.000
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	4.568	3.435.000	4.988	4.136.500	5.870	4.504.500	6.122	4.697.000	5.446	4.205.500
1	Mức 1.000.000 đồng	2.302	2.302.000	3.285	3.285.000	3.139	3.139.000	3.272	3.272.000	2.965	2.965.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	8	8.000	7	7.000	2	2.000	5	5.000	8	8.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.135	1.135.000	1.680	1.680.000	1.577	1.577.000	1.719	1.719.000	1.395	1.395.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	-	-	5	5.000	1	1.000	-	-	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	8	8.000	112	112.000	17	17.000	-	-	23	23.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	-	-	15	15.000	-	-	-	-	2	2.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	3	3.000	6	6.000	17	17.000	12	12.000	12	12.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	225	225.000	600	600.000	515	515.000	425	425.000	360	360.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	38	38.000	80	80.000	30	30.000	50	50.000	55	55.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	885	885.000	780	780.000	980	980.000	1.061	1.061.000	1.110	1.110.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Hoài Đức		Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	2.266	1.133.000	1.703	851.500	2.731	1.365.500	2.850	1.425.000	2.481	1.240.500
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	190	95.000	245	122.500	405	202.500	366	183.000	255	127.500
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	2.055	1.027.500	1.400	700.000	2.275	1.137.500	2.450	1.225.000	2.185	1.092.500
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	20	10.000	40	20.000	50	25.000	32	16.000	30	15.000
	Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	1	500	10	5.000	1	500	1	500	5	2.500
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	-	-	8	4.000	-	-	1	500	6	3.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liên kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	6.157	1.847.100	28.665	8.599.500	9.661	2.898.300	6.569	1.970.700	5.435	1.630.500
	Cán bộ nghỉ hưu	5.384	1.615.200	26.745	8.023.500	8.093	2.427.900	5.693	1.707.900	4.406	1.321.800
	Cán bộ nghỉ mất sức	773	231.900	1.920	576.000	1.568	470.400	876	262.800	1.029	308.700
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	382	114.600	188	56.400	1.493	447.900	1.431	429.300	1.117	335.100
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	2.951	2.218.600	3.757	2.750.500	5.181	3.994.000	4.374	3.278.900	3.607	2.720.500
1	Ngân sách Thành phố	333	345.000	247	255.500	691	718.500	470	487.500	407	425.500
	Người trên 100 tuổi	24	36.000	17	25.500	55	82.500	35	52.500	37	55.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)										
	Người trên 90 tuổi	309	309.000	230	230.000	636	636.000	435	435.000	370	370.000
	Người trên 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	2.618	1.873.600	3.510	2.495.000	4.490	3.275.500	3.904	2.791.400	3.200	2.295.000
	Người trên 100 tuổi	25	30.000	25	30.000	85	102.000	56	67.200	50	60.000
	Người trên 95 tuổi	95	95.000	85	85.000	300	300.000	102	102.000	100	100.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	2.498	1.748.600	3.400	2.380.000	4.105	2.873.500	3.746	2.622.200	3.050	2.135.000

STT	Loại đối tượng	Hoài Đức		Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	4	20.000	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	-	-	4	20.000	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	12	6.000	10	5.000	12	6.000	12	6.000	12	6.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09-Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

me

STT	Loại đối tượng	Thạch Thất		Mê Linh		Sở LĐTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	15.179	8.916.500	13.409	8.151.900	7.821	1.532.300	3.000	1.500.000	228	40.600
	- Ngân sách Thành phố	12.064	6.675.500	10.462	6.014.800	7.821	1.532.300	3.000	1.500.000	228	40.600
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	3.115	2.241.000	2.947	2.137.100	-	-	-	-	-	-
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	5.294	4.327.000	5.111	4.080.000	268	205.000	-	-	-	-
1	Mức 1.000.000 đồng	3.360	3.360.000	3.049	3.049.000	142	142.000	-	-	-	-
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	7	7.000	12	12.000	1	1.000	-	-	-	-
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.425	1.425.000	1.490	1.490.000	6	6.000	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	1	1.000	3	3.000	-	-	-	-	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	11	11.000	19	19.000	-	-	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	1	1.000	7	7.000	-	-	-	-	-	-
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	10	10.000	11	11.000	-	-	-	-	-	-
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.160	1.160.000	350	350.000	-	-	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	15	15.000	70	70.000	-	-	-	-	-	-
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	730	730.000	1.087	1.087.000	57	57.000	-	-	-	-
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	78	78.000	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thạch Thất		Mê Linh		Sở LĐTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	1.934	967.000	2.062	1.031.000	126	63.000	-	-	-	-
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	490	245.000	337	168.500	120	60.000	-	-	-	-
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	1.417	708.500	1.690	845.000		-	-	-	-	-
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	23	11.500	28	14.000	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	2	1.000	2	1.000	-	-	-	-	-	-
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	2	1.000	5	2.500	-	-	-	-	-	-
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	6	3.000	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	5.360	1.608.000	4.232	1.269.600	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ nghỉ hưu	4.287	1.286.100	3.622	1.086.600	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.073	321.900	610	183.000	-	-	-	-	-	-
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	985	295.500	684	205.200	-	-	-	-	-	-
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.525	2.668.500	3.367	2.579.600	63	50.600	-	-	-	-
1	Ngân sách Thành phố	410	427.500	420	442.500	63	50.600	-	-	-	-
	Người tròn 100 tuổi	35	52.500	45	67.500	4	6.000	-	-	-	-
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)					-	-	-	-	-	-
	Người tròn 90 tuổi	375	375.000	375	375.000	7	7.000	-	-	-	-
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	4	4.000	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	48	33.600	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.115	2.241.000	2.947	2.137.100	-	-	-	-	-	-
	Người trên 100 tuổi	55	66.000	56	67.200	-	-	-	-	-	-
	Người tròn 95 tuổi	110	110.000	154	154.000	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85	2.950	2.065.000	2.737	1.915.900	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thạch Thất		Mê Linh		Sở LĐTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	-	-	47	318.500	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dục ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	9	69.000	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	5	57.500	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	33	192.000	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	-	-	-	-	-	-
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	-	-	-	-	-	-
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	3.000	1.500.000	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	10	5.000	10	5.000	-	-	-	-	-	-
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	2.139	427.800	-	-	178	35.600
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đơn được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	5.304	530.400	-	-	50	5.000

DANH SÁCH THĂM TẶNG CÁC TỔ CHỨC NHÂN DỊP TẾT CANH TÝ NĂM 2020*(Kèm theo Kế hoạch số 244 /KH-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /1 đơn vị	Ghi chú
	Tổng cộng		524.500	
A	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		318.500	
I	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề		69.000	
1	Trường giáo dưỡng Bộ Công an- Ninh Bình		16.000	
2	UBND Huyện Thanh Thủy - Phú Thọ		11.000	
3	Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề		42.000	
3.1	Trung tâm điều dưỡng người có công Thuận Thành	Ninh Xá - Thuận Thành - Bắc Ninh	6.000	
3.2	Trung tâm điều dưỡng người có công Lạng Giang	Thái Đào - Lạng Giang - Bắc Giang	6.000	
3.3	Trung tâm điều dưỡng người có công Nho Quan	Đồng Phong - Nho Quan - Ninh Bình	6.000	
3.4	Trung tâm điều dưỡng người có công Duy Tiên	Yên Nham - Duy Tiên - Hà Nam	6.000	
3.5	Trung tâm điều dưỡng người có công Phú Thọ	Hà Thạch - Phú Thọ - Phú Thọ	6.000	
3.6	Trung tâm điều dưỡng thương binh Kim Bảng	Ba Sao - Kim Bảng - Hà Nam	6.000	
3.7	Trung tâm điều dưỡng người có công Bắc Giang	Quế Nham - Tân Yên - Bắc Giang	6.000	
II	Các đơn vị do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng		57.500	
1	Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải	Xã Ngọc Thanh- thị xã Phúc Yên- Vĩnh Phúc	11.500	
2	Câu lạc bộ Thăng Long	Số 2 Trần Bình Trọng- Hoàn Kiếm- Hà Nội	11.500	
3	Ban đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội	Hỏa Lò - Hoàn Kiếm	11.500	
4	Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội	Viên An - Ứng Hòa	11.500	
5	Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật Hà Nội	Thụy An - Ba Vì	11.500	
III	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang		192.000	

1	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu của Thành phố và trung tâm nuôi dưỡng đối tượng chính sách		180.000	
1.1	Làng Hữu nghị Việt Nam	An Trai- Vân Canh- Hoài Đức- Hà Nội	6.000	
1.2	Bệnh viện 09 - Sở Y tế	Tân Triều - Thanh Trì	6.000	
1.3	Hội cựu thanh niên xung phong Thành phố	Cung Trí Thúc- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	6.000	
1.4	Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố	Cung Trí Thúc- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	6.000	
1.5	Ban phục vụ lễ tang Hà Nội	Phùng Hưng - Hoàn Kiếm	6.000	
1.6	Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội	Thanh Bình- Hà Đông	6.000	
1.7	Trung tâm điều dưỡng người có công số I	Thanh Thủy - Phú Thọ	6.000	
1.8	Trung tâm điều dưỡng người có công số II	Biên Giang - Hà Đông	6.000	
1.9	Trung tâm điều dưỡng người có công số III	Kim Sơn - Sơn Tây	6.000	
1.10	Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/ dioxin thành phố Hà Nội	Thôn Muối- Yên Bài - Ba Vì	6.000	
1.11	Trung tâm Bảo trợ xã hội số I	Dục Tú - Đông Anh	6.000	
1.12	Trung tâm Bảo trợ xã hội số II	Viên An - Ứng Hòa	6.000	
1.13	Trung tâm Bảo trợ xã hội số III	Tây Mỗ - Từ Liêm	6.000	
1.14	Trung tâm Bảo trợ xã hội số IV	Tây Đằng - Ba Vì	6.000	
1.15	Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn	Đông Yên - Quốc Oai	6.000	
1.16	Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội	Thụy An - Ba Vì	6.000	
1.17	Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần số 2	Phú Sơn - Ba Vì	6.000	
1.18	Làng trẻ em Birla	Mai Dịch - Cầu Giấy	6.000	
1.19	Làng trẻ em SOS	Mai Dịch - Cầu Giấy	6.000	
1.20	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật	Thị trấn Chúc Sơn - Chương Mỹ	6.000	
1.21	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1	Yên Bài - Ba Vì	6.000	
1.22	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2	Yên Bài - Ba Vì	6.000	
1.23	Cơ sở cai nghiện ma túy số 3	Tân Minh - Sóc Sơn	6.000	
1.24	Cơ sở cai nghiện ma túy số 4	Yên Bài - Ba Vì	6.000	
1.25	Cơ sở cai nghiện ma túy số 5	Xuân Phương - Từ Liêm	6.000	
1.26	Cơ sở cai nghiện ma túy số 6	Tân Minh - Sóc Sơn	6.000	
1.27	Cơ sở cai nghiện ma túy số 7	Phú Sơn - Ba Vì	6.000	

1.28	Công ty TNHH 19/12	Yên Hòa - Cầu Giấy	6.000	
1.29	Công ty TNHH Hòa Bình	Đội Cấn - Ba Đình	6.000	
1.30	Công ty TNHH Bao bì 27/7 Hà Nội	Láng Hạ - Ba Đình	6.000	
2	Các ban quản lý nghĩa trang		12.000	
2.1	Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhôn	Tây Tựu - Từ Liêm	4.000	
2.2	Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi	Ngọc Hồi - Thanh Trì	4.000	
2.3	Ban quản lý nghĩa trang Mai Dịch	Mai Dịch - Cầu Giấy	4.000	
B	Các quận, huyện, thị xã (Các tổ chức sản xuất kinh doanh, các		206.000	
I	Quận Hoàn Kiếm		20.000	
1	Trung tâm tư vấn và tiếp nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn quận Hoàn Kiếm	Phúc Tân - Hoàn Kiếm	4.000	
2	Hợp tác xã Thương binh 27/7	89A Hàng Mã - Hoàn Kiếm	6.000	
3	Công ty cổ phần Công Minh Mỹ Việt thương binh 27-7	Số 58B Bà Triệu- Hoàn Kiếm	6.000	
4	Hội người mù thành phố Hà Nội	Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm	4.000	
II	Quận Ba Đình		32.000	
1	Hợp tác xã vận tải 27/7 Ba Đình	Hoàng Hoa Thám - Ba Đình	6.000	
2	Công ty cổ phần Cựu chiến binh Đại Dương	Trúc Bạch - Ba Đình	6.000	
3	Công ty cổ phần Quảng cáo Hà Thái	Phan Huy Ích -Ba đình	6.000	
4	Công ty TNHH Quảng cáo Ngọc Hà	14 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình	6.000	
5	Công ty TNHH dịch vụ hàng không và Thương mại Triệu Diệp	Số 10, ngõ 9 Liễu Giai - Ba Đình	4.000	
6	Hội doanh nghiệp của thương binh và người khuyết tật thành phố Hà Nội	Số 64, ngõ 279 Đội Cấn- Ba Đình	4.000	
III	Quận Đống Đa		16.000	
1	Nhà nuôi dưỡng trẻ em Hữu nghị Đống Đa	Số 48, ngõ Thái Thịnh II, Thịnh Quang- Đống Đa	4.000	
2	Công ty TNHH Việt Hùng	Thái Hà - Đống Đa	6.000	
3	Công ty cổ phần sản xuất và TM Cựu chiến binh	2/29 Xã Đàn - Đống Đa	6.000	
IV	Quận Hai Bà Trưng		6.000	
1	Xưởng sản xuất thương binh Hai Bà Trưng	342 Phố Huế - Hai Bà Trưng	6.000	
V	Quận Hà Đông		20.000	



me

1	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Hà Cầu	Hà Cầu- Hà Đông	4.000	
2	Công ty TNHH Thương binh và người tàn tật 3-2	Số 10 Nguyễn Viết Xuân - Hà Đông	6.000	
3	Doanh nghiệp tư nhân Hà Hải	18 Lê Trọng Tấn - La Khê	6.000	
4	Công ty cổ phần Kym Việt	Ô 3, LK1 Khu đô thị Vạn Phúc - Hà Đông	4.000	
VI	Quận Hoàng Mai		22.000	
1	Hợp tác xã thương binh 19/12	Tổ 28B Yên Sở - Hoàng Mai	6.000	
2	Công ty cổ phần dịch vụ - thương mại xuất nhập khẩu Nam Á	Tổ 15 Yên Sở - Hoàng Mai	6.000	
3	Công ty TNHH thương mại Thịnh Sơn	Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai	6.000	
4	Công ty CP dịch vụ Nghị lực sống	Tầng 3, lô số 14, đường Nguyễn Cảnh Dị - Đại Kim - Hoàng Mai	4.000	
VII	Quận Long Biên		16.000	
1	Hợp tác xã Công nghiệp 20/10 Long Biên	682 Ngọc Lâm - Long Biên	6.000	
2	Công ty TNHH cơ khí chế tạo và dịch vụ tổng hợp 27/7	Đức Giang - Long Biên	6.000	
3	Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Tiến Thành	Khu đô thị Việt Hưng- Đức Giang - Long Biên	4.000	
VIII	Huyện Đông Anh		6.000	
1	Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng Thương binh Phúc Lâm Đông Anh	Mai Lâm - Đông Anh	6.000	
IX	Huyện Gia Lâm		6.000	
1	Hợp tác xã thương binh 22/12 Gia Lâm	Văn Đức - Gia Lâm	6.000	
X	Huyện Thanh Trì		22.000	
1	Công ty cổ phần 27/7 Hồng Quang	Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì	6.000	
2	Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ tổng hợp thương binh 10/10	Thị trấn Văn Điển- Thanh Trì	6.000	
3	Công ty TNHH thương binh Thanh Trì	Tả Thanh Oai - Thanh Trì	6.000	
4	HTX SXKD hàng thủ công giấy cuộn Quỳnh Hoa	Thôn Thanh Oai - Hữu Hòa - Thanh Trì	4.000	
XI	Huyện Thanh Oai		4.000	
1	Trung tâm cứu trợ trẻ em tàn tật Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài- Thanh Oai	4.000	
XII	Quận Cầu Giấy		12.000	
1	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi thành phố Hà Nội	Cung Trí Thức- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	4.000	
2	Hội cứu trợ trẻ em khuyết tật thành phố Hà Nội	Cung Trí Thức- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	4.000	

3	Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội	Cung Trí Thúc- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	4.000	
XIII	Quận Thanh Xuân		4.000	
1	Công ty TNHH may trang phục Việt Đức	35 Lê Văn Thiêm - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân	4.000	
XIV	Quận Tây Hồ		10.000	
1	Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp nhiệt lạnh Hà Nội	212 Nghi Tàm - Yên Phụ - Tây Hồ	6.000	
2	Trung tâm Vì ngày mai	389 đường An Dương Vương - Phú Thượng - Tây Hồ	4.000	
XV	Huyện Ba Vì		6.000	
1	Trung tâm phục hồi chức năng Bộ Lao động TBXH	Thụy An - Ba Vì	6.000	
XVI	Huyện Sóc Sơn		4.000	
1	HTX tiêu thủ công mỹ nghệ Trái tim hồng	75 phố Gò Sỏi - Hồng Kỳ - Sóc Sơn	4.000	

**Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ và bổ sung tiền ăn trong các ngày Tết cho các đối tượng nhân dịp
Tết Canh Tý năm 2020**

Giao: Sở Lao động Thương binh và xã hội, Sở Y Tế

(Kèm theo Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức chi	Kinh phí	Trong đó	
					Sở Lao động Thương binh và xã hội	Sở Y tế
I	Chi bồi dưỡng cho cán bộ, hỗ trợ tiền ăn đối tượng nuôi dưỡng, chữa trị tập trung:	7.671	-	998.800	958.200	40.600
1	Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm chữa trị và nuôi dưỡng đối tượng tập trung:	2.317	0	463.400	427.800	35.600
	- Các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và xã hội	2.139	200	427.800	427.800	
	- Bệnh viện 09- Sở Y tế	178	200	35.600		35.600
2	Hỗ trợ một phần tiền ăn thêm trong dịp tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung	5.354	0	535.400	530.400	5.000
	- Các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và xã hội	5.304	100	530.400	530.400	
	- Bệnh viện 09- Sở Y tế	50	100	5.000		5.000